

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

Nguyễn Hữu Cầu

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc
Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội*

Gần nửa thế kỷ trở lại đây, việc nghiên cứu ngôn ngữ học (NNH) trên thế giới phát triển rất nhanh chóng. Ngoài những ngành học quan trọng của NNH (âm vị học, cú pháp học, ngữ nghĩa học) đã xuất hiện các loại hình lý luận và mô thức khác. NNH gắn với các ngành học khác, ra đời một loạt khoa học liên ngành như NNH tâm lý, NNH xã hội, NNH ứng dụng. Chương trình đào tạo giai đoạn nâng cao và cao học thạc sỹ ở trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội đã đưa vào ngành học NNH ứng dụng. Chúng tôi xin giới thiệu một số vấn đề cơ bản của ngành học này.

I. Ngôn ngữ học ứng dụng là gì?

Định nghĩa một cách khoa học cho ngành học này là việc không đơn giản do bản thân thuật ngữ NNH ứng dụng thường đưa tới những sự lý giải khác nhau.

1. Lý giải khác nhau đối với NNH ứng dụng

1.1. Theo lý giải thông thường, NNH ứng dụng được xem xét trong quan hệ với ngành học lý thuyết. Ngành học ứng dụng thường là chỉ ứng dụng lý thuyết, quy luật, nguyên tắc, phương pháp và thành quả của nó vào bất cứ lĩnh vực nào khác ngoài nó ra. Song NNH ứng dụng lại có những đặc điểm riêng.

a) Nó không chỉ ứng dụng lý thuyết, mà hơn nữa còn miêu tả ngôn ngữ. Chẳng hạn như miêu tả ngữ âm của một ngôn ngữ thì có thể ứng dụng vào chữa bệnh mất ngôn ngữ, giảng dạy ngữ âm ...

b) Điều được ứng dụng thường không chỉ bó hẹp ở NNH. Trong nghiên cứu giảng dạy tiếng, người ta còn ứng dụng vào các ngành Tâm lý học, Lý luận dạy học, Thống kê học.

c) Những lĩnh vực ứng dụng của nó phần lớn là liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với ngôn ngữ.

1.2. Giới hạn giữa NNH và NNH ứng dụng cũng rất khó phân chia rạch ròi. Chẳng hạn, có người quy xã hội - NNH vào phạm trù của NNH lý thuyết, vì nó nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội, nhưng lại có người quy nó vào phạm trù NNH ứng dụng, vì nó nghiên cứu các vấn đề như chính sách ngôn ngữ, kế hoạch ngôn ngữ, biến thể ngôn ngữ.

1.3. Ranh giới giữa lý luận và thực tế trong giảng dạy tiếng cũng khó phân biệt rõ ràng. Trong ngôn ngữ học lý thuyết, có người nghiên cứu mô hình lý thuyết, lại có người nặng về vận dụng mô hình lý thuyết để miêu tả thực tế ngôn ngữ. Ngược lại, trong NNH ứng dụng, có người nghiên cứu giáo trình, giáo học pháp cụ thể, có người nặng về tổng kết cách làm cụ thể về giáo trình, giáo học pháp thông qua lý luận dạy học và nguyên tắc dạy học.

1.4. NNH ứng dụng không chỉ có tác dụng về mặt ứng dụng (applications), mà nó còn góp phần định hướng tư duy, mà điều này còn có tác dụng hơn cả mặt ứng dụng.

2. NNH ứng dụng theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp

NNH ứng dụng theo nghĩa rộng với nội dung ứng dụng tri thức NNH vào giải quyết các vấn đề của các lĩnh vực khoa học khác. Có người nói, từ tạo chữ viết cho dân tộc thiểu số đến dịch máy đều là những vấn đề mà NNH ứng dụng cần giải quyết. Những vấn đề mà NNH ứng dụng giải quyết ít nhiều có liên quan tới ngôn ngữ, song không phải vấn đề ngôn ngữ đơn thuần. Chẳng hạn, vấn đề tạo chữ viết cho dân tộc thiểu số vừa liên quan tới NNH, ký hiệu học, lại còn liên quan tới xã hội học, chính trị học, phong cách học ...

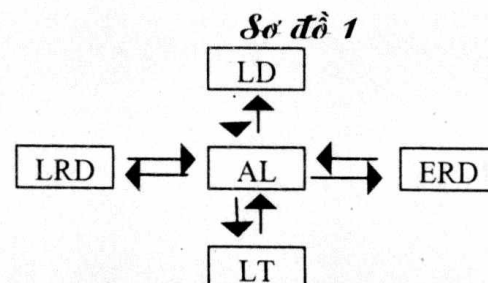
NNH ứng dụng theo nghĩa hẹp có một nội hàm nhất định, đó là giảng dạy tiếng, nhất là việc giảng dạy ngôn ngữ thứ II hoặc ngoại ngữ. Xét từ góc độ trên, những tri thức được ứng dụng sẽ gồm ba mặt :

1. Lý thuyết ngôn ngữ và miêu tả ngôn ngữ, bao gồm các mô hình ngôn ngữ, quy luật chung, miêu tả ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng của ngôn ngữ cụ thể. Đó là các ngành học về ngôn ngữ LD (Linguistic Disciplines).

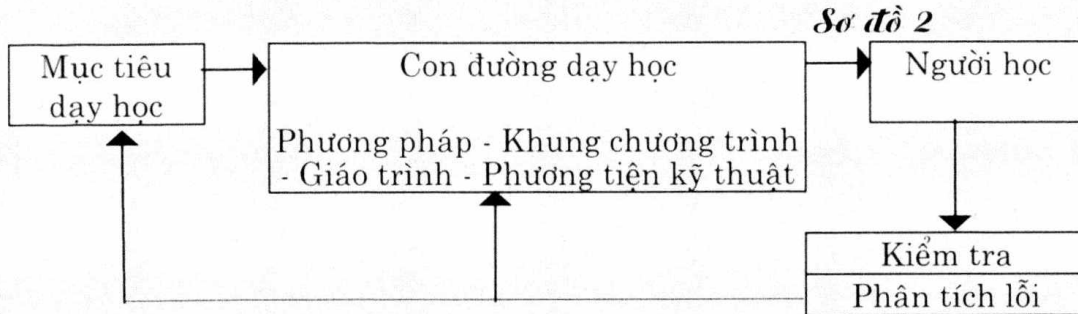
2. Những ngành học liên quan của NNH, viết tắt là LRD (Linguistic Related Disciplines). Đó là những khoa học liên ngành với NNH, như xã hội - NNH, tâm lý - NNH, thần kinh - NNH.

3. Những ngành học liên quan với giáo dục, viết tắt là ERD (Education Related Disciplines). Đó là những ngành học về giáo dục không thuộc NNH, nhưng lại gắn chặt với giảng dạy tiếng, như lý luận giáo dục, thống kê giáo dục, giảng dạy bằng thiết bị.

Ba mặt trên, thông qua môi giới của NNH ứng dụng tác động vào giảng dạy tiếng theo sơ đồ :



Giảng dạy tiếng (LT), như mọi người đều biết, gồm nhiều mặt quan hệ chặt chẽ với nhau: *tư tưởng và mục tiêu dạy học, con đường dạy học, khung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy, giáo cụ (phương tiện kỹ thuật), kiểm tra đánh giá, phân tích lỗi, người học ...* Lược đồ hoạt động giảng dạy tiếng :

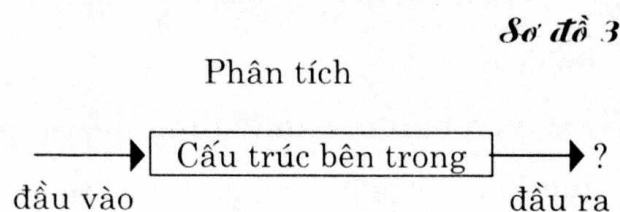


Qua lược đồ thấy rõ mục tiêu dạy học đóng vai trò quan trọng bậc nhất. Các khâu khác của dạy học đều phải phục tùng mục tiêu, nhưng những khâu này đều do người học thực hiện, đồng thời thông qua kiểm tra và phân tích lỗi xem xét tình hình thực hiện. Kết quả đánh giá cung cấp thông tin ngược cho các khâu mục tiêu dạy học và hoạt động dạy học để phát hiện vấn đề.

II. Tính chất và đặc trưng của NNH ứng dụng

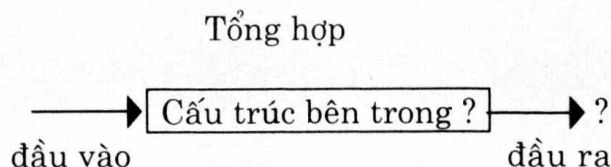
NNH ứng dụng giữ vai trò môi giới trong các ngành học được ứng dụng và lĩnh vực ứng dụng. Nhà NNH ứng dụng P. Corder (Anh) nhấn mạnh "NNH ứng dụng là một hoạt động"[1], còn nhà NNH ứng dụng R. Kaplan (Mỹ) cho rằng "NNH ứng dụng là một nghiệp vụ giải quyết vấn đề"[2]. Do đó cần phải đưa NNH ứng dụng lên tầm cao của công trình hệ thống để nhận thức tính chất cơ bản của nó.

1. Công trình hệ thống. Công trình hệ thống là kỹ thuật mang tính tổng hợp của quá trình nghiên cứu tập trung xem xét quan hệ giữa đầu vào và đầu ra. Chẳng hạn, chúng ta cho học sinh một lớp nào đó thử dùng một loại giáo trình mới, đó là đầu vào, nhưng chúng ta muốn biết hiệu quả sử dụng giáo trình mới, đó là đầu ra. Quá trình phân tích như sau



Nếu trong một lớp học chúng ta đã dùng thử giáo trình, cũng đã có được hiệu quả sử dụng, mà chúng ta lại muốn tìm hiểu tình hình sử dụng thử giáo trình: độ khó dễ của giáo trình, khối lượng kiến thức có hợp với người học không? người học có hứng thú không? v.v... Đó chính là quá trình tổng hợp theo lược đồ :

Sơ đồ 4



NNH ứng dụng là một công trình hệ thống, chủ yếu là nó phải tìm hiểu cấu trúc bên trong. Chẳng hạn, trong giảng dạy tiếng có những **nhân tố bên ngoài** (như là các khâu của hoạt động dạy học ở sơ đồ 2), song điều quyết định chính là **nhân tố bên trong - người học**, vì nhân tố bên ngoài phải thông qua nhân tố bên trong mới có được vai trò của mình. Vì thế từ cuối những năm 60 ở phương Tây đã có phong trào cải cách giáo dục "**lấy học sinh làm trung tâm**" mà nay chúng ta thường đề cập tới.

Một công trình hệ thống cần có 4 điều kiện :

1/ Hệ thống phải do hai yếu tố trở lên tạo thành. Dù là ngành khoa học được ứng dụng hay là phạm vi ứng dụng, NNH ứng dụng đều liên quan tới nhiều yếu tố (như ở sơ đồ 1 & 2).

2/ Các yếu tố của hệ thống phải hoàn thành nhiệm vụ đã quy định. Ví dụ, khung chương trình nêu ra mục tiêu đào tạo, giáo trình quy định những bước cụ thể để đạt được mục tiêu, phương pháp giảng dạy tạo ra biện pháp thực hiện các bước, thi kiểm tra đo trình độ đạt được mục tiêu. Các yếu tố của hệ thống còn phối hợp với nhau, hòa vào nhau.

3/ Là chỉnh thể của hệ thống, cần phải có tính mục đích. NNH ứng dụng theo nghĩa hẹp chính là một môn học lấy xem xét tính quy luật bên trong của giảng dạy tiếng làm mục đích.

4/ Hệ thống không chỉ tồn tại như một trạng thái, mà còn có trình tự thời gian. Toàn bộ hoạt động dạy tiếng đều ở vào một quá trình vận động tiến lên, trạng thái tĩnh là tương đối. Dạy học mang tính giai đoạn, nắm vững ngôn ngữ ở người học cũng mang tính giai đoạn.

2. Đặc trưng của ngôn ngữ học ứng dụng

2.1. NNH ứng dụng là một khoa học độc lập. Địa vị khoa học độc lập của NNH ứng dụng ngày càng được người ta công nhận vì :

- a) Nó có đối tượng nghiên cứu của mình, đó là giảng dạy tiếng.
- b) Trong quá trình phát triển của giảng dạy tiếng đã nảy sinh rất nhiều vấn đề cần được làm sáng tỏ.
- c) Nó đã hình thành một hệ thống khoa học có lý luận và phương pháp.

2.2. NNH ứng dụng là một khoa học liên ngành.

Như những phần trên đã nêu, NNH ứng dụng nghiên cứu giảng dạy tiếng, nói cụ thể là nghiên cứu con người dạy và học tiếng như thế nào. Mà đã là những khoa học liên quan đến con người thì đều rất phức tạp.

Cơ sở đa ngành, liên ngành của NNH ứng dụng biểu hiện ở chỗ: trong những trường hợp khác nhau, sự khác nhau thể hiện ở việc xem xét các nhiệm vụ cụ thể, NNH ứng dụng sẽ có điểm kết hợp khác nhau. Khi nghiên cứu nguyên tắc cơ bản của giảng dạy tiếng, đòi hỏi dùng khoa học về ngôn ngữ, những khoa học liên quan tới NNH, cũng đòi hỏi dùng đến những ngành khoa học chi nhánh của tâm lý học và giáo dục học. Những phần giao nhau của các khoa học này có tác dụng rất lớn đối với dạy - học ngoại ngữ.

2.3. NNH ứng dụng là một khoa học ứng dụng, nhằm vào các vấn đề thực tế. Người giáo viên cần hiểu rõ giữa lý thuyết ngôn ngữ, miêu tả ngôn ngữ và giảng dạy tiếng không có mối quan hệ một chiều. Chúng ta không thể hy vọng lý thuyết ngôn ngữ hoặc miêu tả ngôn ngữ cung cấp cho mình một bản liệt kê hệ thống về cấu trúc hoặc quy tắc ngôn ngữ, để rồi bệ nguyên vào quá trình giảng dạy. Lý thuyết ngôn ngữ có thể cung cấp cho thầy giáo kiến thức vận dụng về cấu trúc hoặc chức năng của hệ thống ngôn ngữ nào đó. Lý thuyết ngôn ngữ về quá trình tiếp thu ngôn ngữ thì càng ảnh hưởng tới phương pháp luận giảng dạy tiếng. Cần trang bị cho giáo viên lý thuyết, nguyên tắc, phương pháp của NNH ứng dụng, để họ có khả năng ứng phó với mọi tình huống dạy học. Vì vậy, điều mà NNH ứng dụng quan tâm không chỉ là ứng dụng thực tế, mà quan trọng hơn là *ý nghĩa gợi mở* (implications) của nó đối với giảng dạy tiếng.

2.4. NNH ứng dụng là một khoa học thực nghiệm.

Mục đích của NNH ứng dụng là xây dựng lý luận và nguyên tắc giảng dạy tiếng. Nó cũng giống như khoa học tự nhiên, áp dụng phương pháp nghiên cứu của khoa học thực nghiệm. Phương pháp thực nghiệm có hai loại. Một loại là quan sát tự nhiên. Phương pháp này thường sử dụng cho việc điều tra nghiên cứu hiện tượng ngôn ngữ, phát triển ngôn ngữ, lỗi ngôn ngữ, thái độ và nhận xét của mọi người. Một loại khác là thực nghiệm khoa học. Trong thực nghiệm, trước tiên phải thông qua quan sát phát hiện những vấn đề cần giải quyết, rồi đưa ra giả thiết, kiểm nghiệm giả thiết cuối cùng rút ra kết luận khoa học. Hạt nhân của thực nghiệm khoa học là điều khiển (control), vì bất cứ hành vi nào cũng đều là kết quả tác động của nhiều nhân tố, nhân tố nào giữ vai trò chủ đạo, thường là khó nhận ra. Muốn tìm hiểu vai trò khác nhau của các yếu tố, thì phải giữ ổn định các yếu tố (tức là điều khiển), còn một yếu tố nào đó của thí nghiệm gọi là chi phối. Chẳng hạn, kết quả học ngoại ngữ phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, *yếu tố* bên trong như: *động lực, hứng thú, trí lực, tuổi tác, kỹ xảo học tập* của người học, còn có những *yếu tố* bên ngoài như: *thái độ và phương pháp giảng dạy* của giáo viên,

giáo trình, phương tiện kỹ thuật, điều kiện giảng dạy. Muốn biết nhân tố nào có vai trò gì đối với học tập thì phải coi nó như là một nhân tố chi phối, rồi điều khiển các nhân tố khác. Muốn tiến hành thực nghiệm khoa học và quan sát tự nhiên, thì phải sử dụng các phương tiện thống kê đo nghiệm, phân tích, lượng hóa. Đây cũng là điều cần thiết cho một khoa học thực nghiệm.

Trong giảng dạy ngoại ngữ, chúng ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, đã đào tạo được những cán bộ ngoại ngữ có trình độ cao. Chúng ta phải tổng kết và nâng cao về lý luận. Các môn học của NNH ứng dụng giúp cho việc hệ thống hóa và lý luận hóa những kinh nghiệm của chúng ta. Ngoài ra, những quan điểm mới, giáo trình mới, phương pháp mới của nước ngoài cũng có nhiều điều cho chúng ta học tập. Phát triển của giáo dục ngoại ngữ trông chờ ở sự phát triển nghiên cứu NNH ứng dụng gắn với đặc điểm của Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội. Những vấn đề quan trọng của NNH ứng dụng trong dạy học ngoại ngữ, chúng tôi xin được giới thiệu tiếp trong những bài viết sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Xem *Ứng dụng NNH đạo luận*, Thượng Hải ngoại ngữ giáo dục xuất bản xã, 1983. tr.2
2. R. Kaplan, *On the Scope of Applied Linguistics*. 1980; p.7

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XVIII, N₀1, 2002

SOME FUNDAMENTAL ISSUES OF APPLIED LINGUISTICS

Nguyen Huu Cau

*Department of Chinese Language and Culture
College of Foreign Languages - VNU*

This paper discusses some of the major questions with regard to types of language competence, the relationship between language 1 (mother tongue) and language 2 (foreign language) as well as elements of language competence in relation to culture. The paper stresses the fact that language competence involves both written and spoken language. In a broad sense, this competence would translate into speaking, listening, reading, writing and translating skills. Also, it is important to keep in mind that the acquisition of speaking and writing in a target language is conditional upon a host of factors apart from socio-cultural knowledge, hence different teaching & learning methods are called for.